

TRẬT TỰ TỪ TRONG TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG VIỆT

Phan Thị Tinh^(*)

1. Các trường phái ngôn ngữ và vấn đề trật tự từ

Từ thế kỷ XVII vấn đề trật tự từ đã được gắn với logic và là chủ đề tranh luận của các nhà ngữ pháp trong một thời gian dài. Trật tự từ đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ:

a) Như một phương tiện ngữ pháp, nhờ nó, ý nghĩa ngữ pháp được thể hiện bằng thứ tự sắp xếp của các từ trong câu.

b) Như một đặc trưng loại hình ngôn ngữ theo đó vai trò của trật tự từ có thể có tầm quan trọng khác nhau tùy thuộc tính chất của mỗi loại ngôn ngữ - biến hình hay không biến hình (chẳng hạn ngôn ngữ biến hình có trật tự linh hoạt hơn là trong ngôn ngữ không biến hình.) Trong các ngôn ngữ cùng loại (biến hình hoặc không biến hình) trật tự từ cũng có thể khác nhau. Chẳng hạn cùng là ngôn ngữ biến hình nhưng trong tiếng Pháp qui tắc trật tự từ có phần nghiêm ngặt hơn là trong tiếng La Tinh. Tuy nhiên, trật tự từ không hề có tính phổ quát, cũng không tuân thủ qui tắc logic. Do vậy mà trật tự **chủ ngữ + động từ + bổ ngữ** chỉ là một trong số những loại trật tự thường gặp mà thôi.

c) Trật tự từ nghiên cứu dưới góc độ ngôn ngữ học tâm lý: ngành này chú trọng đến vai trò của các nhân tố trong và ngoài ngôn ngữ ảnh hưởng tới quá trình hiểu và tạo ra lời nói.

Tuy nhiên, trong thời kỳ hưng thịnh của trường phái cấu trúc, vấn đề trật tự từ lại bị các nhà ngữ pháp cấu trúc lãng quên vì họ chỉ quan tâm đến các cách kết hợp hình thức. Thế nhưng, ngày nay, khi người ta thấy rằng việc nghiên cứu ngôn ngữ phải gắn liền với văn bản thì các vấn đề như: ngữ pháp câu, trật tự của các thành tố trong mệnh đề và các đơn vị của văn bản lại được chú trọng và vấn đề trật tự từ được nghiên cứu dưới các góc độ: cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

Như vậy, trật tự từ được nghiên cứu như một phương tiện đa chức năng, có nghĩa là nó được xem xét cả dưới góc độ cú pháp, cả dưới góc độ ngữ nghĩa và ngữ dụng. Trong bài viết này chúng tôi sẽ theo cách tiếp cận này, theo đó các chức năng khác nhau của trật tự từ được xem xét trên ba bình diện: cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng trong câu tiếng Pháp và tiếng Việt.

2. Cú pháp và trật tự từ

Cú pháp là tất cả các phương tiện cho phép ta tổ chức những phát ngôn, gắn cho mỗi từ một chức năng và để thể hiện những mối quan hệ giữa các từ. Trật tự từ là một nét đặc trưng của mọi cú pháp. Trật tự từ cho phép xác định chức năng của các yếu tố ngôn ngữ trong câu⁽¹⁾

Chẳng hạn, dựa vào vị trí có tính kinh điển của một số từ trong câu, một

^(*) PGS.TS., Khoa Ng+n ng+ & V' n h'c Ph_p, Tr-êng S'i h'c Ngo'i ng+, S'i h'c Quèc gia H'p Néi.

⁽¹⁾ Xin l-u ý l'u trong b'p vi'it n'p' chóng t'xi ch' ngh'i'p'n câu tr'êt từ t'ô é c'p @é t'ô c'@u trè l'p'n ch'è kh'ng xem x'đt c_ c @-n v' é c'p @é có ki'ou nh-: Sa sale gueule/ Sa gueule sale (Bé m'êt b'En th'u c'na n'ã/M'êt n'ã b'En). Ses propres mains/Ses mains propres (T' tay n'ã/Tay s'ch c'na n'ã).

từ như từ *que* trong tiếng Pháp, đứng đầu câu, nếu không phải là từ để hỏi (trong câu hỏi, ví dụ 1) thì dứt khoát phải là từ dùng để đưa vào một mệnh đề làm chủ ngữ (ví dụ 2), hay một câu mệnh lệnh (ví dụ 3)

1. *Que se passe-t-il?* (Có chuyện gì vậy) ; *Que fais-tu là?* (Cậu làm gì đấy?)

2. *Qu'il a échoué au concours (cela) me m'étonne pas, il ne s'est pas du tout préparé pour cette épreuve. (Tôi không ngạc nhiên là nó trượt vì nó có hệ chuẩn bị thi đâu.)*

3. *Qu'il vienne me voir tout de suite!* (Bảo nó đến gặp tôi ngay)

Hơn nữa, trật tự của các yếu tố trong câu thông báo thường là: *chủ ngữ + động từ + bổ ngữ* do vậy, ngữ đoạn danh từ tự do đầu tiên Paul trong câu 4 và Marie trong câu 4' được coi như chủ ngữ của câu:

4. *Paul trahit Marie* (Paul phản bội Marie)

4'. *Marie trahit Paul* (Marie phản bội Paul)

(Trừ một số trường hợp trong đó ngữ đoạn danh từ làm chức năng bổ ngữ tình huống như: *Le matin/ le dimanche/ chaque jour, il va au bureau à 8 heures* (Mỗi buổi sáng/ mỗi chủ nhật/ mỗi ngày anh ta đi làm lúc 8 giờ) hoặc cấu trúc *quel + danh từ*)

Qua hai ví dụ 4 và 4' ta thấy rằng nếu như trong câu 4 Paul là chủ ngữ biểu thị chủ thể của hành động *trahit* và Marie là bổ ngữ biểu thị đối tượng của hành động thì ở câu 4' do việc hoán đổi vị trí của hai từ Paul và Marie trong hai câu mà chức năng cú pháp của chúng bị

đảo ngược Marie trở thành chủ ngữ và Paul thành bổ ngữ.

Một số quan hệ khác cũng có thể thay đổi do vị trí thay đổi. Chẳng hạn, ta xét quan hệ **chủ ngữ, vị ngữ** trong câu có động từ *être* (là) và thuộc ngữ là nhóm danh từ cũng thay đổi:

5. *Bordeaux est le chef lieu de l'Aquitaine* (Bordeaux là tỉnh lỵ của vùng Aquitaine)

5'. *Le chef lieu de l'Aquitaine est Bordeaux* (Tỉnh lỵ của vùng Aquitaine là Bordeaux)

Trật tự từ cùng với ngữ điệu trong văn nói và dấu chấm câu trong văn viết cũng giúp ta phân loại câu theo mục đích phát ngôn: tường thuật, nghi vấn, hay cảm thán.

6. *Il est sot. (Nó ngốc).* Câu tường thuật-ngữ điệu xuống.

7. *Il est sot? (Nó ngốc à?)* Câu nghi vấn- ngữ điệu lên ở cuối từ *sot*.

8. *Il est sot! (Nó ngốc quá!)* Câu cảm thán-ngữ điệu nhấn từ động từ và lên dần đến cuối câu)

Trật tự từ cũng cho phép phân biệt câu trần thuật với câu mệnh lệnh.

9. Marie le lui donne (Marie đưa cái đó cho nó): Câu trần thuật

Donne-le lui! (Đưa cái đó cho nó đi!) Trật tự này chỉ có thể xuất hiện trong câu mệnh lệnh khẳng định.

Trong tiếng Pháp, trật tự từ còn cho phép ta phân biệt hình thức của mệnh đề chèn với các mệnh đề khác:

11. *"Je viendrai" dit Pierre (dit-il)*

3. Ngữ nghĩa và trật tự từ

Trong tiếng Pháp cũng như trong tiếng Việt, chức năng khu biệt nghĩa của trật tự từ thường đi kèm với chức năng cú pháp của nó. Như ta đã thấy ở phần trên, khi ta thay đổi vị trí của các từ trong câu, không những chức năng của chúng thay đổi mà đồng thời quan hệ nghĩa cũng làm thay đổi. Chẳng hạn như các trường hợp của các ví dụ 4 và 5.

Tuy nhiên khi ta thay đổi trật tự của các cụm từ hoặc trật tự các mệnh đề trong câu phức, chủ yếu ta sẽ làm thay đổi nghĩa. Chẳng hạn, trong một vở tuồng cổ, lý ra hai anh hề phải thay phiên nhau canh cả đêm. Thế nhưng có một anh đã khôn ngoan sử dụng trật tự từ để dìm đẩy việc cho đồng nghiệp còn mình ngủ suốt đêm:

12. *Canh một, canh hai, anh canh, tôi ngủ.*

12. *Canh ba, canh bốn, tôi ngủ, anh canh.*

Trong trường hợp trên đây, người đứng ra phân vai đã khéo léo đổi vị trí của hai mệnh đề và coi như đã đổi gác cho người kia.

Trong tiếng Pháp có một số trạng từ khi thay đổi vị trí trong câu thì nghĩa cũng thay đổi:

13. *Naturellement, il est mort (Đĩ nhiên là ông ấy chết rồi)*

13'. *Il est mort naturellement (Ông ấy chết tự nhiên)*

Tương tự như vậy ta có:

14. *Même le professeur ne comprend pas ce texte. (Thậm chí cả thầy giáo cũng không hiểu bài này)*

14'. *Le professeur même ne comprend pas ce texte (Chính thầy giáo cũng không hiểu bài này)*

14''. *Le professeur ne comprend même pas ce texte (Cả bài này thầy giáo cũng không hiểu)*

Thay đổi trật tự từ cũng có tác dụng nhấn mạnh:

15. *C'est toi- même qui l'as dit. (Chính cậu đã nói ra điều đó đấy nhé)*

15'. *Tu l'as dit toi-même. (Tự cậu nói ra điều đó)*

Đối với tiếng Pháp, đối với câu hỏi có từ để hỏi, nếu ta thay đổi vị trí của các từ để hỏi thì cấp độ ngôn ngữ sẽ thay đổi.

16. *Quand pars-tu? (Khi nào cậu đi?)*
Văn phong chuẩn mực.

16'. *Tu pars quand? (Khi nào cậu đi?)*
Văn phong suồng sã.

Thế nhưng trong tiếng Việt, việc thay đổi vị trí từ để hỏi **bao giờ** trong các câu hỏi sau lại có chức năng khu biệt về thời gian chứ không phải khu biệt về cấp độ ngôn ngữ như trong tiếng Pháp:

17. *Anh đến bao giờ? (Anh đã đến, bây giờ anh đang có mặt ở đây)- Quand est-ce que vous êtes venu?*

17'. *Bao giờ anh đến? (Anh chưa đến, bây giờ anh chưa có mặt ở đây) - Quand est-ce que vous viendrez?*

Trong tiếng Pháp, người ta cũng nghiên cứu sâu mối quan hệ giữa trật tự từ và cấu trúc ngữ nghĩa của một số động từ, danh từ, trạng từ trong một số loại câu. Ví dụ trong câu thông báo ta có thể thấy trật tự *vị ngữ + chủ ngữ* trong những trường hợp sau:

- Động từ mang sắc thái tồn tại, hoặc phương thức tồn tại (venir, arriver, rester,... hoặc với cấu trúc *il* vô nhân xưng (il existe, il manque...))

19. *IL existe des solutions...* (Có giải pháp cho vấn đề)

20. *Il manque deux pages* (Thiếu hai trang)

- Động từ mang ý nghĩa vận động hoặc quá trình mà người ta dùng để thể hiện một sự chuyển đổi hoặc một sự tách biệt rõ ràng:

21. *Le soir tombe. Se lève un tout petit vent qu'on n'attendait pas.* (Màn đêm buông xuống. Bỗng nổi lên một làn gió nhẹ mà người ta không mong đợi)

- Khi câu bắt đầu bằng các từ như: trạng từ nối logic (*aussi, ainsi...*), từ nối dùng trong lập luận (*à plus forte raison, de même, encore, tout au plus...*) từ tình thái (*sans doute, peut-être...*) hoặc các trạng từ thời gian hoặc nơi chốn đi kèm với động từ chỉ sắc thái, (*alors, bien sûr, d'abord, ensuite, puis, enfin, ici, là, dehors, dedans, ailleurs...*)

22... *Au pied de la terre, dans une anse caillouteuse, miroitaient les toits rouges de la ville de Santa Cruz...* (Dưới đất trong một thung lũng nhấp nhô những phiến đá, lấp lánh những mái ngói của thành phố Santa Cruz...)

Trong các ví dụ: 19, 20, 21, 22 các phần gạch chân đều là chủ ngữ đứng sau động từ do có các yếu tố kể trên chi phối.

4. Ngữ dụng và trật tự từ

Khi phân tích thông tin người ta thấy rằng nội dung thông tin có chứa hai phần: *Thông tin về sự kiện (modus)* thể

hiện qua cấu trúc của mệnh đề thông báo cơ bản, phần thứ hai là thông tin về phương diện của sự kiện được người nói coi là quan trọng, là cần phải chú ý trong tình huống giao tiếp cụ thể đó. Thông tin này được gọi là *thông tin thực tại (dictum)*. Việc sắp xếp tổ chức thông tin thực tại do hai bình diện qui định:

4.1. Bình diện thứ nhất

Bình diện này bao gồm các yếu tố ngữ dụng trong tổ chức thông tin (việc lựa chọn thông tin dựa trên cái cần diễn đạt và mục đích muốn đạt của người nói). Tóm lại là việc sắp xếp thông tin thực tại phụ thuộc vào chiến lược phát ngôn của người nói. Có nhiều lược phát ngôn trong đó có cái mà Garde-Tamine, J và Pelliza. M-A trong cuốn *La construction du texte de la grammaire au style* 1998 gọi là *tiêu điểm của một phát ngôn (focus)* và *nhấn mạnh (emphrèse)*.

Tiêu điểm là thông tin mới mà người phát ngôn đưa ra đầu tiên. Bình thường, khi cung cấp thông tin ta phải dựa vào thông tin cũ đã biết và thêm vào đó những chi tiết mới. Do vậy khi đưa ra một phát ngôn dù rất bình thường như *Chó sửa* thì cũng giả định một sự thỏa thuận trước về thân thể của con chó (chó nào? chó nhà ai?) và như vậy thông tin này tuy rất bình thường nhưng lại mới trong ngữ cảnh do việc nó sửa thay vị im lặng. Một ví dụ khác:

18. *Le printemps, en Bretagne, est plus doux qu'aux environs de Paris et fleurit trois semaines plus tôt.*

Câu 18 lưu ý ta một thông tin đặc biệt về những đặc điểm của mùa xuân trong vùng Bretagne. Và như vậy, người

nói đã sử dụng vị trí đầu câu của các yếu tố để nhấn mạnh vào thông tin mới mặc dầu thông tin này không có gì nổi bật. Trong khi đó hướng phát triển tự nhiên của câu trước hết là đưa ra thông tin cũ rồi trên cơ sở đó thêm thông tin mới.

Nhấn mạnh: Khi dùng phương tiện này người phát ngôn ít quan tâm đến ảnh hưởng của phát ngôn mà mình tạo ra đối với người nghe hoặc người đọc mà muốn thu hút sự chú ý vào một yếu tố của văn bản, yếu tố này có thể là thông tin mới hoặc thông tin cũ. Các phương tiện này có thể là: *Ce qui... c'est, Ce que... c'est, C'est... que, C'est... qui, Lui, il; Moi, je...* hoặc chuyển dịch các bộ ngữ lên đầu câu hoặc cuối câu.

23. *Ce qu'il faut faire maintenant, c'est de se taire et d'attendre*

Trong câu 23 thông tin mới là *c'est de se taire et d'attendre*. Phần gạch chân, là cấu trúc nhấn mạnh, tạo ra sự tương phản giữa thông tin cũ và thông tin mới.

4.2. Bình diện thứ hai

Tính tình thái trong ngôn ngữ được thể hiện trong tình huống giao tiếp, người phát chuyển tải thông tin, chuyển tải sự kiện thông qua đánh giá, nhận xét của mình. Như vậy tình thái là cách thể hiện đánh giá chủ quan của người nói. Muốn đạt mục đích là thay đổi nội dung mệnh đề (*dictum*), người nói chuyển đổi vị trí của các yếu tố trong mệnh đề (*modum*)

Chẳng hạn để thể hiện mức độ tin chắc vào thông tin, từ nội dung mệnh đề: [Sans doute (Jean avoir raison)] ta có các cấu trúc sau:

24. *Jean a raison, sans doute* (Jean đúng, chắc vậy).

25. *Jean n'a-t-il pas raison?* (Jean mà đúng à?)

26. *Sans doute, Jean a-t-il raison* (Có lẽ Jean có lý)

27. *Je ne doute pas que Jean ait raison* (Tôi chắc là Jean có lý)

Qua bài viết này ta thấy, về cơ bản tiếng Pháp và tiếng Việt đều có trật tự từ trong câu cơ sở giống nhau. Đó là trật tự *Chủ ngữ + vị ngữ*. Nếu thay đổi trật tự này sẽ làm thay đổi các chức năng cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của câu, của văn bản. Hơn nữa, người phát ngôn cũng không thể tùy tiện thay đổi trật tự của các yếu tố trong câu mà phải tính đến các khả năng kết hợp của các yếu tố, đến từng nghĩa của chúng như: đó là động từ chỉ hành động hay trạng thái, chỉ sự tồn tại hay chỉ hướng chuyển động... Người phát ngôn cũng phải dựa vào thái độ, tình cảm của mình đối với nội dung thông tin. Tóm lại trong cả hai ngôn ngữ trật tự từ được nghiên cứu về mặt chức năng cú pháp khi người ta phân tích phát ngôn về phương diện hình thức. Khi phân tích phát ngôn về phương diện nội dung người ta chú trọng đến trật tự từ trong vai trò biểu đạt thông tin sự vật và thông tin thực tại. Nếu phân tích phát ngôn theo hướng ngữ dụng thì người ta chú trọng đến vai trò của trật tự từ trong việc nêu tiêu điểm (quan hệ thông tin cũ- mới) vai trò nhấn mạnh, vai trò thể hiện tình thái ý nghĩa...

Có nét khác biệt về trật tự từ trong tiếng Việt và tiếng Pháp là đối với một câu hỏi có từ để hỏi như từ **bao giờ (quand)** trong tiếng Pháp nếu thay đổi vị trí của từ này (đầu câu hoặc cuối câu) cấp độ ngôn ngữ thay đổi (văn phong bình dân hoặc chuẩn mực). Trong tiếng Việt trật tự thay đổi sẽ làm thay đổi về logic thời gian như trong các ví dụ 17 và 17'.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gardes-Tamine, J., Pellizza, M-A., *La construction du texte, de la grammaire au style*, Paris, Armand Colin, 1998.
2. Guimier, cl & al., *1001 circonstances*, PUF de Caen, 1993.
3. Le Goffic, P., *Grammaire de la phrase française*, Hachette Supérieur 1993
4. Phan Thi Tinh, *La phrase française*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
5. Riegel, M., *Grammaire méthodique du français*, PUF, 1994.
6. Tomassone.R., *Pour enseigner la grammaire*, Delagrave, 1998.
7. Wilmet, M., *Grammaire critique du français*, Paris, Duculot, 2003, 3^{ème} édition.
8. Yaguello, M., *Alice au pays du langage-Pour comprendre la linguistique*, Seuil, 1981.
9. Lý Toàn Thắng, *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.xXII, n_o3, 2006

THE ORDER OF WORDS IN FRENCH AND VIETNAMESE

Assoc.Prof.Dr. Phan Thi Tinh

*Department of French Language and Culture
College of Foreign Language - VNU*

The issue of the order of words has been researched for a long time in the way of logic and rhetoric. The order of words has been also studied as a specific characteristics of type of language in the way of syntax, semantics and lately in the way of pragmatics. It plays a role in showing the focus emphasized and expressing the modality.